

- *Người bị kiện:* Cục trưởng Cục thuế tỉnh Khánh Hòa

Đại diện theo pháp luật: ông Lương Văn Ng - Cục trưởng Cục trưởng cục thuế tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: số 17 đường 19/5 Khu đô thị V, xã V1, thành phố N3, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông Phạm Hoài Tr, Phó Cục trưởng Thuế tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Ông Phan Anh H1 chức vụ Tổng giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán SCIC Việt Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 58 đường Đ, phường S, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:*

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N (sau đây gọi tắt là Công ty N) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201634878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hoà cấp lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2015, thay đổi lần thứ 4 ngày 02 tháng 6 năm 2016. Công ty có dự án đầu tư mới tại Lô A CN22-03 KCN N, phường N1, thị xã N1, tỉnh Khánh Hòa (địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp) theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0018277847 (số cũ: 37221000180) do Ban Quản lý Khu kinh tế V2 cấp lần đầu ngày 08 tháng 4 năm 2015, thay đổi lần thứ 1 ngày 22 tháng 5 năm 2015, theo đó Công ty được hưởng chế độ ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế TNDN) đối với hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đặt trụ sở tại Lô A CN22-03, Khu công nghiệp N để sản xuất vật liệu điện và kinh doanh thương mại thiết bị điện, văn phòng đại diện đặt tại thành phố Hồ Chí Minh và đăng ký các đơn vị phụ thuộc không có chức năng kinh doanh là các Kho hàng tại Khu công nghiệp N, Cần Thơ, Long An, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, Quy Nhơn, Đồng Nai và đang xây dựng 1 kho (chưa đưa vào hoạt động).

Trụ sở Công ty đảm nhiệm toàn bộ việc sản xuất, mua hàng và bán hàng. Cụ thể: Thực hiện mua hàng, thanh toán tiền hàng cho đối tác/nhà cung cấp; trực tiếp ký hợp đồng bán hàng, xuất hóa đơn, thu công nợ khách hàng (*tiền hàng được khách hàng thanh toán chuyển khoản vào các tài khoản ngân hàng của Công ty mở tại Ngân hàng Sacombank – CN N1, địa bàn ưu đãi*). Sổ sách kế toán được hạch toán tập trung tại trụ sở Công ty.

Cụ thể Công ty có đăng ký mở các Chi nhánh, Văn phòng đại diện công ty - Kho chứa hàng tại:

1/ phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai.;

2/ phường An Bình, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ; (không có đăng ký Kho chứa hàng)

3/ Khu công nghiệp Đức Hòa 1- Hạnh Phúc, Ấp 5 xã Đức hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (có kho chứa hàng)

4/thôn Đông Hòa, xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, tp Đà Nẵng (có kho chứa hàng).

5/ Khu CN Amata, phường Long Bình, TP Biên Hòa – Kho chứa hàng.

6/ số 1A đường 26, Khu dân cư Bình Phú, phường 10, Quận 6, TP Hồ Chí Minh - kho chứa hàng.

7/ Khu CN phường Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định - kho chứa hàng.

8/ số 1D đường 26, Khu dân cư Bình Phú, phường 10, Quận 6, TP Hồ Chí Minh- kho chứa hàng.

Các kho hàng và văn phòng đại diện đều không có chức năng kinh doanh mà chỉ làm Kho hàng, Cụ thể: Để thuận tiện cho việc giao hàng, đáp ứng nhu cầu về hàng hóa một cách nhanh nhất của khách hàng nên Công ty thành lập các kho hàng với chức năng là nơi lưu trữ và bảo quản hàng hoá, nhận lệnh từ Công ty để xuất kho hàng hoá giao cho khách hàng.

Việc sản xuất – kinh doanh của Công ty hoàn toàn tập trung tại trụ sở Công ty trong KCN N nên doanh thu (doanh số) bán hàng của Công ty phát sinh hoàn toàn tại KCN N và thu nhập kinh doanh của Công ty cũng phát sinh tại đây theo nguyên tắc: Nơi nào có hoạt động bán hàng nơi đó mới phát sinh thu nhập, nơi không có hoạt động bán hàng thì không phát sinh thu nhập.

Thu nhập kinh doanh của Công ty hoàn toàn phát sinh tại Khu công nghiệp N (địa bàn ưu đãi) nên theo quy định của pháp luật về thuế TNDN và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm đầu kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế.

Vì vậy Công ty đã khai nộp thuế TNDN của năm 2016: Thuế TNDN được miễn: 13.343.701.716 đ (*mười ba tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm lẻ một nghìn bảy trăm mười sáu đồng*), thuế TNDN phải nộp: 402.851.280 đ (*bốn trăm lẻ hai triệu, tám trăm năm mươi một nghìn hai trăm tám mươi đồng*); Năm 2017: Thuế TNDN được miễn: 18.372.508.010đ (*mười tám tỷ ba trăm bảy mươi hai triệu năm trăm lẻ tám nghìn không trăm lẻ mười đồng*), Thuế TNDN phải nộp: 238.651.969đ (*hai trăm ba mươi tám triệu sáu trăm năm mươi một nghìn chín trăm sáu mươi chín đồng*).

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hoà ký Quyết định số 2013/QĐ-CT về việc thanh tra thuế tại Công ty N với thời kỳ thanh tra từ 14 tháng 02 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, Đoàn thanh tra thực hiện thủ tục công bố Quyết định thanh tra thuế tại Công ty theo luật định. Đoàn thanh tra làm việc trong 10 ngày : Ngày 4, 5, 8, 9, 10, 11, 16, 17, 18, 29 tháng 10 năm 2018 và kết thúc bằng Biên bản làm việc cuối cùng được lập hồi 16 giờ ngày 29 tháng 10 năm 2018. Trong thời gian làm việc này, Đoàn thanh tra đã lập bốn (4) Biên bản làm việc với Công ty N

Công ty hoàn toàn không đồng ý và cũng không công nhận giá trị pháp lý của Biên bản thanh tra do Đoàn thanh tra của Cục Thuế lập ngày 16 tháng 04 năm 2019 vì không minh bạch, cụ thể:

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, Cục Thuế ra Thông báo số 2460/TB-CT tạm dừng thanh tra thuế từ ngày 14 tháng 5 năm 2019 đến 13 tháng 11 năm 2019 để làm rõ nội dung xử lý trước khi ban hành kết luận thanh tra thuế và Quyết định xử lý về thuế.

Hết hạn tạm dừng, Cục Thuế vẫn im lặng và không có bất kỳ sự giải thích và làm rõ những vấn đề mà Công ty đã yêu cầu làm rõ.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, Cục Thuế ban hành Kết luận thanh tra thuế và Thông báo sẽ công bố Kết luận thanh tra vào ngày 01 tháng 6 năm 2020, Ngày 01 tháng 6 năm 2020, đại diện Công ty ký Biên bản công bố Kết luận thanh tra nhưng với ý kiến của Công ty là không công nhận giá trị của Kết luận thanh tra bởi các lý do :

+ Một là, về mặt tổ tụng thanh tra: Biên bản thanh tra lập ngày 16 tháng 4 năm 2019 nhưng để hơn 1 năm sau (26 tháng 5 năm 2020) mới ký Kết luận thanh tra là không đúng với quy định về thời hạn của Luật Quản lý Thuế và Quy trình thanh tra thuế (Quyết định 1404/ QĐ-TCT) của Tổng cục Thuế (*chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc thanh tra*).

+ Hai là, về nội dung: Cục Thuế chưa giải thích và làm rõ những vấn đề mà Công ty đã đưa ra yêu cầu, được ghi trong ý kiến bảo lưu kèm theo Biên bản thanh tra thuế ngày 16 tháng 4 năm 2019. Cục Thuế im lặng là hoàn toàn vi phạm quy định tại khoản 6 Điều 6 Luật quản lý Thuế năm 2006 về quyền của người nộp thuế, theo đó người nộp thuế có quyền: ...bảo lưu ý kiến trong Biên bản thanh tra thuế và có quyền yêu cầu giải thích kết luận thanh tra thuế. Đồng thời theo quy định tại khoản 8 Điều 8 Luật Quản lý Thuế năm 2006 thì cơ quan thuế có trách nhiệm: ...giao Biên bản thanh tra thuế cho đối tượng thanh tra thuế và giải thích khi có yêu cầu.

Tại Biên bản công bố Kết luận thanh tra, một lần nữa Công ty đề nghị Cục Thuế phải giải thích, làm rõ những vấn đề mà Công ty đã đặt ra tại Biên bản thanh tra thuế ngày 16 tháng 4 năm 2019 cho đúng quy định của pháp luật về quản lý thuế và cũng chứng minh cho việc Cục Thuế xác định lại thuế TNDN ưu đãi của Công ty là không có căn cứ.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020, Cục trưởng Cục Thuế ban hành Quyết định số 1633/QĐ-KPHQ về việc “áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả”(gọi là QĐ 1633) đối với công ty N. Theo đó tại điều 1 khoản 5 QĐ 1633 truy thu tổng số thuế TNDN là 34.831.694.658 đồng (*ba mươi tư tỷ, tám trăm ba mươi một triệu, sáu trăm chín mươi tư nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng*); trong đó TNDN là 30.220.505.329 đồng. Truy thu tiền chậm nộp thuế TNDN là 4.596.668.030 đồng.

Thuế TNCN công ty N đã nộp xong 11.693.750 đồng. Đối với thuế TNCN công ty không có ý kiến gì, không khởi kiện. Vì vậy Công ty chỉ khởi kiện ra

Tòa án nhân tỉnh Khánh Hòa đề nghị hủy một phần Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục số 1633/QĐ-KPHQ ngày 5/6/2020 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Khánh Hòa cụ thể hủy điểm a, c và f điểm 5 Điều 1 của QĐ 1633.

Vì các lý do sau:

Thứ nhất, về địa bàn được hưởng ưu đãi thuế:

Trong hai năm 2016 và 2017, Công ty kê khai được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho toàn bộ thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc dự án đầu tư mới của Công ty là hoàn toàn đúng với quy định của Luật Thuế TNDN. Cụ thể như sau:

Công ty được thành lập mới và có dự án đầu tư mới tại địa bàn ưu đãi (Khu Công nghiệp N1), được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Công ty thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ và nộp thuế TNDN theo kê khai phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính. Công ty trực tiếp tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh trong phạm vi mục tiêu và quy mô được xác định trong dự án đầu tư duy nhất tại trụ sở Công ty, bao gồm: Thực hiện mua bán hàng hóa, thanh toán tiền cho nhà cung cấp; Công ty trực tiếp ký các hợp đồng bán hàng, xuất hóa đơn bán hàng, thu công nợ khách hàng (cụ thể là tiền hàng được khách hàng thanh toán chuyển khoản vào các tài khoản ngân hàng của Công ty mở tại Ngân hàng Sacombank – CN N1, địa bàn ưu đãi). Do đó, Công ty chỉ có một địa điểm tiến hành hoạt động kinh doanh và bán hàng cho khách hàng nằm trong Khu Công nghiệp N1 (như đã trình bày trong đơn khởi kiện). Trong Biên bản thanh tra thuế, Đoàn thanh tra cũng đã chấp nhận tổng doanh thu phát sinh khai thuế GTGT tại KCN N1 của năm 2016 và 2017. Như vậy, toàn bộ doanh thu bán hàng của Công ty đều phát sinh tại KCN N1 nên toàn bộ thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng phải phát sinh tại KCN N1 (địa bàn ưu đãi) thì cũng phải được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định tại Điều 2 Giấy chứng nhận đầu tư và khoản 4(b), Điều 18 của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính (được sửa đổi bổ sung tại khoản 2, Điều 10 của Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính).

Thứ hai, về việc áp dụng pháp luật:

Đoàn thanh tra và lãnh đạo Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa tự quyền xác định lại một số thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không được hưởng ưu đãi thuế (để dẫn đến truy thu thuế TNDN) là chưa có căn cứ pháp luật. Bởi các lẽ: Trong Biên bản thanh tra thuế và Kết luận thanh tra thuế đều viện dẫn là xác định lại thuế TNDN được ưu đãi theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính nhưng không ghi cụ thể xác định theo điều, khoản nào của các Thông tư này để cho rằng Công ty có hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu thuế phải nộp năm 2016 và 2017.

Dẫn chiếu quy định tại điểm g, khoản 4, Điều 66 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính, hướng dẫn Luật quản lý thuế về lập “Biên bản thanh tra thuế”, thì Biên bản do Đoàn thanh

tra lập không đúng quy định. Cụ thể là: Trong Biên bản thanh tra thuế hoàn toàn không xác định được công ty có hành vi vi phạm cụ thể nào? Hành vi đó vi phạm chuẩn mực nào; điều, khoản nào của quy định pháp luật? Các chứng cứ chứng minh là có các hành vi vi phạm? Các số liệu tính ra phần thu nhập không cho ưu đãi thuế TNDN ghi trong Biên bản thanh tra là hoàn toàn do Đoàn thanh tra tự dựng lên, Công ty không hề được đối chiếu để biết số liệu đó lấy từ đâu? cách tính thế nào? mức độ chính xác ra sao?

Thứ ba, về ưu đãi theo mặt hàng: Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0018277847, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 do Ban Quản lý Khu kinh tế V2 tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 30 tháng 8 năm 2016, tại khoản 2, Điều 1 xác định mục tiêu và quy mô của dự án do Công ty là chủ đầu tư như sau: “2. Mục tiêu và quy mô của dự án: Sản xuất vật liệu điện với công suất dự kiến 7.350.000 sản phẩm/năm với sản phẩm chính là băng keo cách điện, ống nhựa luôn dây điện, máng đèn, tủ điện, hộp âm tường, phụ kiện ống nhựa. kinh doanh thiết bị điện với số lượng dự kiến là 30.000.000 sản phẩm/năm nhằm hỗ trợ cho sản phẩm sản xuất từ dự án.”

Theo đó, các mặt hàng: Quạt đứng, quạt bàn, máy nước nóng, bếp điện từ, máy sấy tay mà Công ty kinh doanh đều là thiết bị điện và phù hợp với mục tiêu của dự án trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Việc Đoàn thanh tra thuế xác định các mặt hàng trên không được ưu đãi theo Giấy chứng nhận đầu tư là không đúng quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Mặt khác, Quyết định số 1633/QĐ-KPHQ ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hoà có nội dung trái pháp luật. Cụ thể như sau: Tại khoản 1, Điều 3 Quyết định số 1633/QĐ-KPHQ có đoạn: “Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này, Công ty TNHH MTV N phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định này. Quá thời hạn quy định tại Quyết định này mà Công ty TNHH MTV N không chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định tại điều 18 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính thuế”

Tuy nhiên, Pháp luật chỉ cho phép cơ quan quản lý thuế ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế trong một số trường hợp, với một số điều kiện nhất định:

Theo Điều 18 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ và Điều 2 Thông tư số 215/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính: “1. Các trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế đối với người nộp thuế: a) Người nộp thuế nợ tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế đã quá 90 ngày, kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế theo quy định; quá thời hạn gia hạn nộp thuế. b) Người nộp thuế còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt có hành vi phát tán tài sản, bỏ trốn. c) Quá thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế mà người nộp thuế không chấp hành quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế...”

Như vậy, Pháp luật đã quy định rất rõ: Đối với Quyết định xử phạt hành chính về thuế: Nếu quá 10 ngày mà người nộp thuế không chấp hành, cơ quan thuế được quyền áp dụng ngay điểm c để ra quyết định cưỡng chế thi hành. Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, không phải là Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế mà là Quyết định hành chính xử lý thuế. Do đó, cơ quan thuế chỉ được quyền ra quyết định cưỡng chế thi hành theo điểm a.

** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện ủy quyền của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:*

Người bị kiện không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện. Quá trình thanh tra, kiểm tra của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa theo quyết định thanh tra về thuế đối với Công ty N, kỳ thanh tra năm 2015-2017, là đúng quy định của pháp luật, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Khánh Hòa không đồng ý với kết luận giám định tư pháp về thuế của Công ty TNHH Kiểm toán SCIC đối với Công ty N, đồng thời giữ nguyên các biên bản thanh tra thuế, kết luận thanh tra thuế và Quyết định 1633/QĐ-KPHQ ngày 05 tháng 6 năm 2020 về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả.

Vì; Về hàng hóa để được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thì doanh nghiệp được hưởng các chế độ ưu đãi đầu tư theo Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc Hội,

Trong quá trình kinh doanh của công ty N, khi Đoàn thanh tra của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa tiến hành thanh tra theo Quyết định thanh tra số 2013/QĐ-CT ngày 27/9/2013 của Cục trưởng cục thuế tỉnh khánh Hòa.

Thực hiện việc tranh tra thuế từ ngày 14/02/2015 đến ngày 31/12/2017 tại công ty N; phát hiện công ty N đã có những sai sót trong quá trình kinh doanh các mặt hàng không được ưu đãi thuế TNDN (không có trong GPKD, GCN đầu tư), hàng hóa không thể hiện hóa đơn chứng từ nhập kho N1 (nơi được hưởng chế độ ưu đãi đầu tư) nên Đoàn thanh tra đã lập biên bản ngày 17/10/2017; 18/10/2017, ngày 29/10/2017 lúc 10 giờ và 16 giờ ngày 29/10/2017. Hàng hóa nhập vào chuyển hàng đi các kho khác để bán hàng, Cty N khai thuế TNDN không đúng với Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, nên Cục thuế tiến hành ban hành Kết luận thanh tra và Cục trưởng ra Quyết định về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1633/QĐ-KPHQ ngày 5/6/2020, theo quyết định 1633; Theo đó tại điều 1 khoản 5 QĐ 1633 truy thu tổng số thuế TNDN và thuế TNCN là 34.831.694.658 đồng (ba mươi tư tỷ, tám trăm ba mươi một triệu, sáu trăm chín mươi tư nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng); trong đó TNDN là 30.220.505.329 đồng, truy thu tiền chậm nộp thuế TNDN là 4.596.668.030 đồng; Vì vậy, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Khánh Hòa không đồng ý hủy một phần Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục số 1633/QĐ-KPHQ ngày 5/6/2020 đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Với nội dung vụ án được xác định như trên.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 26/02/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 28 và Điều 65 Luật xử lý Vi phạm hành chính.

Căn cứ vào các Điều 32, 118, 119, 193, 194 Luật Tố tụng hành chính

Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên N (tên viết tắt Công ty N co.,LTD) về việc yêu cầu hủy “*một phần Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1633/QĐ-KPHQ ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hoà*”.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 24/7/2020, người khởi kiện – Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N (sau đây gọi tắt là Công ty N) kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm với nội dung: Bản án xử không đúng pháp luật, không dựa trên các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Số thuế bị truy thu không chính xác, chưa xác định được việc tính toán đúng theo quy định của pháp luật nên việc truy thu thuế của Cục thuế là không có căn cứ. Đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo, đơn khởi kiện của Công ty N để hủy một phần Quyết định số 1633/QĐ-KPHQ ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hoà về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc công ty phải nộp (truy thu) thuế TNDN tại điểm a, c khoản 5 Điều 1 Quyết định số 1633/QĐ-KPHQ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận các nội dung kháng cáo của Người khởi kiện; Người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 02/201/HC-ST ngày 26/2/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, hủy một phần của (điểm a, c khoản 5) Điều 1 Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1633/QĐ-KPHQ ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hoà.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa. Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Người bị kiện - Cục thuế tỉnh Khánh Hoà; người giám định – Công ty THHH Kiểm toán SCIC Việt Nam đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Người khởi kiện đồng thời là Người kháng cáo có mặt tại phiên tòa. Hội đồng

xét xử căn cứ khoản 2, 3 Điều 225 Luật tổ tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

Xét kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N đề nghị hủy một phần Quyết định số 1633/QĐ-KPHQ ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc công ty phải nộp (truy thu) thuế TNDN tại điểm a, c khoản 5 Điều 1 Quyết định số 1633/QĐ-KPHQ thì thấy:

[1]. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201634878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 12/02/2015, thay đổi lần thứ 3 ngày 02/6/2016, thay đổi lần thứ 4 ngày 18/12/2019. Công ty có dự án đầu tư mới tại Lô A CN22-03 KCN N, phường N1, thị xã N1, tỉnh Khánh Hòa (địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp) theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0018277847 (số cũ: 37221000180) do Ban Quản lý Khu kinh tế V2 cấp lần đầu ngày 08 tháng 4 năm 2015, thay đổi lần thứ 1 ngày 22 tháng 5 năm 2015, theo đó Công ty được hưởng chế độ ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế TNDN) đối với hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đặt trụ sở tại Lô A CN22-03, Khu công nghiệp N để sản xuất vật liệu điện và kinh doanh thương mại thiết bị điện, văn phòng đại diện đặt tại thành phố Hồ Chí Minh và đăng ký các đơn vị phụ thuộc không có chức năng kinh doanh là các Kho hàng tại Khu công nghiệp N, Cần Thơ, Long An, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, Quy Nhơn, Đồng Nai.

[2]. Bản án sơ thẩm nhận định: “ Trong quá trình kiểm tra Đoàn kiểm tra của Cục thuế tỉnh phát hiện những sai phạm trong việc kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2017, 2017 của Công ty N cụ thể:

- Kinh doanh một số mặt hàng không đúng Giấy phép kinh doanh, như Quạt bàn, quạt đứng, máy sấy tay, bếp từ.

- Hàng hóa mua vào nhập kho công ty (kho N1), tuy nhiên chỉ có phiếu nhập kho, hóa đơn mua hàng, không có phiếu giao nhận hàng; sau đó hàng hóa được điều chuyển đến kho khác của Công ty (ở các địa phương khác) theo lệnh điều động, lệnh điều động không có chữ ký Giám đốc công ty, chỉ có chữ ký của thủ kho xuất, thủ kho nhập là kho đi đường; không xác định chính xác kho nhập; khi xuất bán hàng hóa Công ty chỉ cung cấp được hóa đơn bán hàng (hóa đơn giá trị gia tăng), không cung cấp được lệnh xuất bán, phiếu xuất kho của các kho hàng nào ” để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện là không phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án vì:

[2.1]. Đối với việc kinh doanh một số mặt hàng không đúng Giấy phép kinh doanh, như Quạt bàn, quạt đứng, máy sấy tay, bếp từ:

* Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0018277847, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 do Ban Quản lý Khu kinh tế V2 tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 30 tháng 8 năm 2016, tại khoản 2, Điều 1 xác định mục tiêu và quy mô của dự án do Công ty là chủ đầu tư như sau: “2. Mục tiêu và quy mô của dự án: Sản xuất vật liệu điện với công suất dự kiến 7.350.000 sản phẩm/năm với sản phẩm chính là băng keo cách điện, ống nhựa lõi dây điện, máng đèn, tủ điện, hộp âm tường, phụ kiện ống nhựa. **Kinh doanh thiết bị điện** với số lượng dự kiến là

30.000.000 sản phẩm/năm nhằm hỗ trợ cho sản phẩm sản xuất từ dự án ”. Như vậy, các mặt hàng: Quạt đứng, quạt bàn, máy nước nóng, bếp điện từ, máy sấy tay mà Công ty kinh doanh đều là thiết bị điện và phù hợp với mục tiêu của dự án trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Việc Đoàn thanh tra thuế xác định các mặt hàng trên không được ưu đãi theo Giấy chứng nhận đầu tư là không đúng với quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mà Ban Quản lý Khu kinh tế V2 tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 30 tháng 8 năm 2016 cho Công ty Nonaco như trích dẫn ở trên;

* Mặt khác, khoản 2 Điều 7 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 quy định:

“ 2. Thu nhập chịu thuế bằng doanh thu trừ các khoản chi được trừ của hoạt động sản xuất, kinh doanh cộng thu nhập khác, kể cả thu nhập nhận được ở ngoài Việt Nam ”. Nếu các mặt hàng trên không được hưởng ưu đãi thuế TNDN thì cũng phải xác định rõ trong các năm 2016, 2017 tổng doanh thu kinh doanh các mặt hàng này là bao nhiêu? Các khoản chi phí được trừ để làm căn cứ tính thuế thu nhập phải nộp. Kết luận thanh tra số 2207/ KL -CT Ngày 26/5/2020 của Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa chưa xác định Doanh thu trừ chi phí các mặt hàng nói trên để áp thuế thu nhập phải nộp là không đúng. Kết luận thanh tra số 2207/ KL - CT Ngày 26/5/2020 của Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa cũng không xác định doanh thu trong các năm 2016, 2017 của Công ty TNHH Một thành viên N là bao nhiêu; trong đó : doanh thu được ưu đãi và Doanh thu không được ưu đãi là bao nhiêu; mà chỉ kết luận chênh lệch thuế TNDN phải thu là: 30.220.505.329 đồng, trong đó: Năm 2016 là: 10.433. 463.660 đồng; Năm 2017 là: 19.787.041.669 đồng. Vì cho rằng: Công ty N đã có những sai sót trong quá trình kinh doanh các mặt hàng không được ưu đãi là chưa đủ căn cứ như nhận định ở trên.

[2.2]. Đối với nội dung: “ Hàng hóa mua vào nhập kho công ty (kho N1), tuy nhiên chỉ có phiếu nhập kho, hóa đơn mua hàng, không có phiếu giao nhận hàng; sau đó hàng hóa được điều chuyển đến kho khác của Công ty (ở các địa phương khác) theo lệnh điều động, lệnh điều động không có chữ ký Giám đốc công ty, chỉ có chữ ký của thủ kho xuất, thủ kho nhập là kho đi đường; không xác định chính xác kho nhập; khi xuất bán hàng hóa Công ty chỉ cung cấp được hóa đơn bán hàng (hóa đơn giá trị gia tăng), không cung cấp được lệnh xuất bán, phiếu xuất kho của các kho hàng nào ”. Nhận định của Bản án sơ thẩm được trích dẫn ở trên là không phù hợp với các tài liệu thể hiện tại hồ sơ vụ án cụ thể như sau:

+ Tại mục 1 phần B. Kết quả thanh tra của kết luận thanh tra số 2207/ KL-CT Ngày 26/5/2020 của Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa đã ghi nhận:

“ 1. Về việc chấp hành chế độ kế toán, hóa đơn chứng từ:

- Công ty TNHH Một thành viên N đã thực hiện ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, mở sổ sách kế toán theo quy định. Thực hiện kịp thời đầy đủ việc lập và gửi báo cáo tài chính cho cơ quan Thuế.

- Công ty đã thực hiện tạo, in, phát hành, quản lý và thực hiện báo cáo và thanh quyết toán hóa đơn theo quy định ”.

+ Việc kê khai, quyết toán thuế của Công ty N trong các năm 2016, 2017 cụ thể: Năm 2016, Công ty đã khai nộp thuế TNDN như sau: Thuế TNDN được miễn: 13.343.701.716 đ (*mười ba tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm lẻ một nghìn bảy trăm mười sáu đồng*), thuế TNDN phải nộp: 402.851.280 đ (*bốn trăm lẻ hai triệu, tám trăm năm mươi một nghìn hai trăm tám mươi đồng*); Năm 2017, Thuế TNDN được miễn: 18.372.508.010đ (*mười tám tỷ ba trăm bảy mươi hai triệu năm trăm lẻ tám nghìn không trăm lẻ mười đồng*), Thuế TNDN phải nộp: 238.651.969đ (*hai trăm ba mươi tám triệu sáu trăm năm mươi một nghìn chín trăm sáu mươi chín đồng*);

+ Theo kết luận giám định của Công ty TNHH Kiểm toán SCIC Việt Nam do Tòa án trưng cầu Giám định (bl 222 - 227) thì:

“ Thu nhập tính thuế kỳ tính thuế năm 2016: 135.446.097.684VNĐ.

Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi cho kỳ tính thuế năm 2016: 13.343.184.128 VNĐ.

Thuế TNDN được miễn giảm kỳ tính thuế năm 2016: 13.343.184.128 VNĐ.

Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh không được ưu đãi trong kỳ tính thuế năm 2016: 402.851.280 VNĐ.

Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ tính thuế năm 2016: 402.851.280 VNĐ

Tổng số thuế TNDN phải nộp cho kỳ tính thuế năm 2016: 402.851.280 VNĐ ”.

“ Thu nhập tính thuế kỳ tính thuế năm 2017 (bl 222): 184.918.229.945 VNĐ

Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi cho kỳ tính thuế năm 2017: 18.372.508.010 VNĐ

Thuế TNDN được miễn giảm trong kỳ tính thuế năm 2017: 18.372.508.010 VNĐ

Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh không được ưu đãi trong kỳ tính thuế năm 2017: 238.651.970 VNĐ

Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ tính thuế năm 2017: 238.651.970 VNĐ

Tổng số thuế TNDN phải nộp cho kỳ tính thuế năm 2017: 238.651.970 VNĐ ”.

[3]. Như vậy, Kết luận thanh tra của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa ở trên là phù hợp với: Việc kê khai, quyết toán thuế của Công ty N trong các năm 2016, 2017 và cũng đúng với Kết luận giám định về Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp trên tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ tính thuế 2016 và kỳ tính thuế năm 2017 của Công ty TNHH Kiểm toán SCIC Việt Nam do Tòa án tỉnh Khánh Hòa trưng cầu Giám định đối với Công ty N. Từ những nhận định trên và tại phiên tòa Kiểm sát viên cũng đề nghị chấp nhận kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 02/201/HC-ST ngày 26/2/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Hủy một phần Quyết định số 1633/QĐ-KPHQ ngày 05 tháng 6 năm 2020

của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hoà về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả như sau: Hủy điểm a, c khoản 5 Điều 1.

[4]. Sau khi xét xử sơ thẩm, Công ty N kháng cáo và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tạm đình chỉ việc thi hành Quyết định số 1633/QĐ – KPHQ ngày 05/6/2020 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Khánh Hoà về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với Công ty TNHH một thành viên N. Trong khi chờ đợi Tòa án giải quyết thì ngày 13/4/2021 Chi cục thuế Khu vực Bắc Khánh Hoà có Văn bản số 732/CCT-KTr1 với nội dung:

“ Qua theo dõi, Chi cục Thuế khu vực Bắc Khánh Hoà xác định đến ngày 12/4/2012, Công ty THHH Một thành viên N chưa chấp hành nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách Nhà nước của Quyết định số 1633/QĐ – KPHQ ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Khánh Hoà về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với Công ty TNHH một thành viên N.

Chi cục khu vực Bắc Khánh Hoà yêu cầu Công ty THHH Một thành viên N chấp hành nộp số tiền thuế, tiền chậm nộp theo Thông báo số 6180/TB-CCT ngày 12/4/2021 (đính kèm) vào ngân sách Nhà nước. Nếu không thực hiện, Chi cục Thuế khu vực Bắc Khánh Hoà sẽ áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật./.”. Chấp hành yêu cầu của Chi cục thuế khu vực Bắc Khánh Hoà, Công ty THHH Một thành viên N đã nộp số tiền 30.035.832.659 đồng vào kho bạc Nhà nước N1 – Khánh Hoà nên Cục thuế tỉnh Khánh Hoà có trách nhiệm làm các thủ tục theo quy định để hoàn trả lại số tiền đã nộp cho Công ty THHH Một thành viên N.

[5] Về Án phí: Do sửa Bản án sơ thẩm nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hoà phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 32 và khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Chấp nhận kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 02/201/HC-ST ngày 26/2/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 7 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014; Điều 12 và khoản 1, Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính; Thông tư số 21/2013/TT-BKHCN ngày 30/9/2009 của Bộ Khoa học và Công Nghệ.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N về việc yêu cầu hủy “*một phần Quyết định áp dụng biện pháp khắc*

phục hậu quả số 1633/QĐ-KPHQ ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hoà”.

Hủy một phần Quyết định số 1633/QĐ-KPHQ ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hoà về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả như sau: Hủy điểm a, c khoản 5 Điều 1.

2. Cục thuế tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm làm các thủ tục để hoàn trả lại số tiền 30.035.832.659 đồng mà Công ty THHH Một thành viên N đã nộp tại kho bạc Nhà nước N1 – Khánh Hòa cho Công ty THHH Một thành viên N.

3. Án phí sơ thẩm và phúc thẩm: Áp dụng khoản khoản 1, 2 Điều 32 và khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

- Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hoà phải chịu 300.000 án phí hành chính sơ thẩm.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N 300.000 đồng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng án phí phúc thẩm đã nộp tại các biên lai số AA/2016/0001273 ngày 14/7/2020 và số AA/2016/0001442 ngày 9/3/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; HS; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến